TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT
Ngày: 31/3/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Du**

- *Các thẩm phán:* Bà **Trần Thị Thanh G**

Bà **Nguyễn Thị Thùy T**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Đ** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đồng Thị Thanh N** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2022/TLPT-KDTM ngày 09/10/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2023.

Do bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Mê Kông** (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam).

Trụ sở chính: số 54, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình,quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Dương Văn B , sinh năm 1982 - chức vụ: Giám đốc xử lý nợ KHCN (vắng mặt).

2. Ông Lương Văn H , sinh năm 1986 - chức vụ: Giám đốc xử lý nợ KHCN (đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 42 – 44 - 46, đường Nguyễn An Ninh, phường Tân An, quận

Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1991 - chức vụ: Giám đốc tố tụng và mua bán nợ (vắng mặt).

Địa chỉ: tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1239/2022/GUQ-TGĐ ngày 17/02/2022)

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S **,** sinh năm 1966.

Bà Huỳnh Ngọc D , sinh năm 1967.

(Ông bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 199, ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

* Người kháng cáo: Bị đơn Bà Huỳnh Ngọc D .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 28/02/2011 Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB với Ông Nguyễn Văn S , Bà Huỳnh Ngọc D vay số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất (trong hạn) tháng đầu tiên 1.6%/tháng trên dư nợ thực tế, tháng thứ hai trở đi lãi suất cho vay tối thiểu bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ sinh lời tối thiểu theo quy định của MDB trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phạt chậm trả lãi từ ngày thứ 4 đến ngày thanh toán, số tiền phạt bằng (0,04%/ngày) x (số ngày chậm trả lãi). Số tiền phạt tối thiểu 5.000 đồng/lần; Phạt chậm trả gốc bằng [(150% lãi suất cho vay trong hạn) x (số tiền gốc chậm trả) x (số ngày gốc chậm trả)]/30 ngày. Mục đích vay ông bà bổ sung vốn lưu động mua bán cưa xẻ gỗ, kinh doanh vật liệu xây dựng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Hợp đồng còn thể hiện thỏa thuận, quy định về Phương thức giải ngân; Phương thức trả nợ gốc, lãi; Bảo đảm tiền vay; Thu hồi nợ trước hạn; Chuyển nợ quá hạn; Quyền và nghĩa vụ của bên A và bên B; Điều khoản chung.

Để bảo đảm hợp đồng vay, ông S bà D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 đối với thửa 1927, diện tích đất 489m^2, tờ bản đồ số 01; địa chỉ thửa đất: khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa,

quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất gồm Nhà xưởng 01 tầng cấp 4, diện tích xây dựng 375.2m^2, kết cấu khung hình thép, vách xây gạch + tole, nền đất, mái tole.

Sau đó ông bà đã 02 lần nhận đủ số tiền vay vào các ngày 04/7/2011 và 12/9/2011. Tính đến ngày 05/4/2012 ông S bà D không trả nợ vay gốc, nợ lãi, số tiền gốc và lãi thời điểm này là 576.304.505 đồng. Quá trình hoạt động, Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 21/7/2015, sau đó ngày 04/6/2016 Ngân hàng TMCP Hàng Hải cùng với bà D bàn bạc, thống nhất kế hoạch trả nợ và phương án xử lý nợ quá hạn: Đợt 1 trả 200.000.000 đồng trong thời hạn 01 tuần từ ngày 06/6/2016 đến ngày 12/6/2016, đợt 2 nhận tiền bồi thường bờ kè (có bao nhiêu trả hết bấy nhiêu), đợt cuối cùng phần còn lại trả dần từ doanh thu của Cửa hàng trang trí nội thất Ngọc Dư.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 29/06/2016, Bà Huỳnh Ngọc D , Ông Nguyễn Văn S đã thanh toán được số tiền là 350.000.000 đồng và được Ngân hàng thu nợ gốc theo giấy nhận nợ ngày 04/07/2011. Do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên Ngân hàng sẽ tạo điều kiện giảm bớt một phần lãi để bà D tất toán hợp đồng vay.

Từ đó đến nay, Bà Huỳnh Ngọc D , Ông Nguyễn Văn S không thanh toán thêm, vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Ngân hàng yêu cầu:

- Buộc Bà Huỳnh Ngọc D , Ông Nguyễn Văn S phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2022 là: 1.077.370.832 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ngàn tám trăm ba mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 31.850.832 đồng; nợ lãi quá hạn 895.520.000 đồng.

- Kể từ ngày 25/6/2022, bà D ông S còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Trường hợp bà D ông S không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0126/HĐTC – MDB/BĐ ký ngày 28/02/2011 để thu hồi nợ.

** Bị đơn Ông Nguyễn Văn S , Bà Huỳnh Ngọc D trình bày:* Năm 2011 ông bà với Ngân hàng TMCP Phát Triển Mê Kông - CN Cần Thơ có ký hợp đồng tín dụng, ông bà đã nhận số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn, ông bà đã trả cho Ngân hàng được số tiền 350.000.000 đồng (ba

trăm năm mươi triệu đồng), ông Trần Nhật Anh Plà người nhận tiền và hứa miễn toàn bộ phần lãi còn lại cho ông bà, nay Ngân hàng yêu cầu trả lãi là không đúng.

Trước đó, ông bà đã trả cho Ngân hàng được 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 29/4/2011. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi là không đúng theo quy định của Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngày 23/4/2012 Ngân hàng TMCP Mê Kông là người khởi kiện ông bà, người ký đơn kiện là ông Nguyễn Như Q, ông Q được bà Trần Thị Thanh T ủy quyền; ông Bùi Đức Qủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Nhật T là không đúng nên ông bà yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền của người có thẩm quyền cho ông Q.

Yêu cầu mời những người chứng kiến trong Biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn gồm: Lê Nguyễn Minh Q, Trần Nhật Anh P, Hoàng Văn Đ.

Từ trước đến năm 2011 ông bà chỉ có ký Hợp đồng tín dụng số HL0080 ngày 28/02/2011 với Ngân hàng TMCP Mê Kông, không có Hợp đồng nào khác. Yêu cầu Ngân hàng cung cấp Khế ước như đã trình bày. Yêu cầu Ngân hàng cung cấp phiếu chi tiền 390.000.000 đồng ngày 04/7/2011, phiếu chi tiền 110.000.000 đồng ngày 12/9/2011.

Nay ông bà chỉ còn nợ của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này. Khi ông bà trả xong nợ, yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

* Nguyên đơn trình bày bổ sung như sau:

Tại biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 ý kiến của **ông Trần Nhật Anh P**, đại diện cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: *"Ngân hàng đồng ý nhận số tiền 350.000.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất bằng tiền mặt, như vậy bà D còn nợ lại 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi, do hoàn cảnh của bà D rất khó khăn, Ngân hàng sẽ tạo điều kiện giảm bớt một phần lãi để bà D tất toán hợp đồng*", chứ không phải như bị đơn trình bày là miễn toàn bộ lãi.

Đối với Phiếu thu ngày 29/4/2011 trả số tiền 100.000.000 đồng mà ông S, bà D trình bày là trả số tiền của Khế ước vay nợ phát sinh trước hai giấy nhận nợ ngày 04/7/2011 và giấy nhận nợ ngày 12/9/2011 của cùng HĐTD số HL0080 ngày 28/02/2011.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tuyên xử, sau đó bị đơn kháng cáo.

Tại bản án phúc thẩm số 17/2020/KDTM-PT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên xử hủy bản án sơ thẩm, giao tòa sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần này, Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu, Bị đơn vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Mê Kông (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam).

2. Buộc Ông Nguyễn Văn S , Bà Huỳnh Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền tính đến ngày 24/6/2022: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 31.850.832 đồng; nợ lãi quá hạn: 895.520.000 đồng, tổng cộng là: 1.077.370.832 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

Tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 kể từ ngày 25/6/2022 cho đến khi ông bà trả hết nợ.

3. Trường hợp ông, bà không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 729202, số vào sổ cấp GCN: CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 Bà Huỳnh Ngọc D đứng tên tại thửa đất số 1927, tờ bản đồ 01, địa chỉ đất tại Khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng (xác nhận ngày 13/12/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 01/7/2022 Bà Huỳnh Ngọc D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng tòa sơ thẩm xử không đúng qui định pháp luật. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn kháng cáo vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đương sự thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cả nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 tiến hành xét xử theo qui định.

- Về nội dung: Trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ các bên xuất trình: Biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn, ý kiến của ông Trần Nhật Anh Pđại diện cho Ngân hàng trình bày: Ngân hàng đồng ý nhận số tiền 350.000.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất bằng tiền mặt, như vậy bà D còn nợ lại 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi, do hoàn cảnh của bà D rất khó khăn, Ngân hàng sẽ tạo điều kiện giảm bớt một phần lãi để bà D tất toán

hợp đồng, cũng tại biên bản này Bà Huỳnh Ngọc D thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi.

Đối với phiếu thu số A-MH00190 ngày 29/4/2011 trả số tiền 100.000.000 đồng mà ông S , bà D trình bày là trả số tiền của Khế ước vay nợ số HL0080.1 do bị đơn nại ra cấp sơ thẩm tiến hành lấy khai đại diện Ngân hàng để làm rõ nhưng không có cơ sở để xem xét.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông S , bà D được xác lập trên cơ sở tự nguyện của hai bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S , bà D trả nợ vốn lãi, xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiến nghị rút kinh nghiệm trong việc chậm thụ lý giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (nay là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam) yêu cầu Ông Nguyễn Văn S và Bà Huỳnh Ngọc D thanh toán số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 và bị đơn có địa chỉ tại xã Thới Thạnh huyện Thới Lai, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Về nội dung kháng cáo của Bà Huỳnh Ngọc D , cho rằng án sơ thẩm xử không đúng qui định pháp luật. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông S bà D nên được xác định là chứng cứ chứng minh ông S bà D có vay tiền và thế chấp tài sản bảo đảm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chứng cứ này làm

căn cứ để xem xét quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng để giải quyết vụ án. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, ông S bà D vay 500.000.000 đồng, Ngân hàng đã 02 lần giải ngân, lần thứ nhất vào ngày 04/7/2011 số tiền 390.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 12/9/2011 số tiền 110.000.000 đồng, ông S bà D đã 02 lần nhận đủ số tiền này. Sau khi vay tiền, ông S bà D không trả nợ gốc, nợ lãi như cam kết trong hợp đồng. Tại biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 ý kiến của ông Trần Nhật Anh P, đại diện cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam:"*Ngân hàng đồng ý nhận số tiền 350.000.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất bằng tiền mặt, như vậy bà D còn nợ lại 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi, do hoàn cảnh của bà D rất khó khăn, Ngân hàng sẽ tạo điều kiện giảm bớt một phần lãi để bà D tất toán hợp đồng*". Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 13/5/2020 bà D cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng 150.000.000 đồng (bút lục 268), căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng có đủ chứng cứ xác định bà D ông S còn nợ Ngân hàng số nợ gốc 150.000.000 đồng nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là đúng.

[3.2] Đối với phiếu thu số A-MH00190 ngày 29/4/2011 trả số tiền 100.000.000 đồng mà ông S , bà D trình bày là trả số tiền cho giấy nhận nợ ngày 04/7/2011 và Giấy nhận nợ ngày 12/9/2011. Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011, thì ngày 01/3/2011 ông bà đã nhận số tiền vay là 500.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số HL0080.1 ngày 01/3/2011. Trong quá trình trả nợ, ngày 29/4/2011 bà D có nộp 100.000.000 đồng là để trả nợ gốc cho Khế ước nhận nợ số HL0080.1 và đến ngày 12/9/2011 thì bà D đã thanh toán Khế ước nhận nợ số HL0080.1 ngày 01/3/2011 và phiếu thu số A-ML0029 ngày 12/9/2011. Mặt khác, về mặt thời gian phiếu thu ngày 29/4/2011 trả 100.000.000 đồng là trả số tiền của Khế ước vay nợ phát sinh trước hai giấy nhận nợ ngày 04/7/2011 và giấy nhận nợ ngày 12/9/2011 của cùng HĐTD số HL0080 ngày 28/02/2011. Ngoài ra cấp sơ thẩm cũng đã lấy khai ngân hàng để làm rõ phiếu thu này. Như vậy Phiếu thu số tiền 100.000.000 đồng ngày 29/4/2011 là bà D là thanh toán cho Khế ước nhận nợ số HL0080.1 ngày 01/3/2011 trước đó, nên không có cơ sở để xem xét đối với phiếu thu này. [4] Về tiền lãi: Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng số HL0080/HĐTD -MDB ngày 28/02/2011 được xác lập trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận, được ông bà thống nhất ký tên nên có giá trị ràng buộc lẫn nhau kể từ ngày ký cho đến khi ông bà hoàn thành nghĩa vụ, chấm dứt hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tính đến ngày 01/9/2011 ông bà đóng lãi được 28.042.501 đồng đến nay không đóng. Đến ngày 29/5/2016 bị đơn đã trả được 350.000.000 đồng, Ngân hàng đã thu vào nợ gốc. Do đó, bị đơn chỉ chịu lãi luất nợ quá hạn trên số tiền nợ còn lại của Khế ước nhận nợ ngày 04/7/2011 kể từ ngày 30/6/2016 và lãi suất của Khế ước nhận nợ ngày 12/9/2011. Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 kể từ ngày 25/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 729202, số vào sổ

cấp GCN: CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 Bà Huỳnh Ngọc D đứng tên thửa đất số 1927, tờ bản đồ 01, địa chỉ đất tại Khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng (xác nhận ngày 13/12/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

Bà Huỳnh Ngọc D kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho các yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, từ đó không có cơ sở để xem xét. Như trên nhận định bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ được giữ nguyên. Vì vậy bác các yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ngoài ra trong giai đoạn kháng cáo chờ xử phúc thẩm, phía bị đơn có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo không liên quan đến nội dung giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ, phúc thẩm kinh doanh thương mại: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Bị đơn còn phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã trình bày phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận. Tuy nhiên về kiến rút kinh nghiệm chậm thụ lý giải quyết vụ án là có cơ sở được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Bà Huỳnh Ngọc D .

- Về nội dung: Bác đơn kháng cáo của Bà Huỳnh Ngọc D .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Mê Kông (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam).

Buộc Ông Nguyễn Văn S , Bà Huỳnh Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền tính đến ngày 24/6/2022: Nợ gốc: 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 31.850.832 đồng; nợ lãi quá hạn: 895.520.000 đồng, tổng cộng là: 1.077.370.832 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

Tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 kể từ ngày 25/6/2022 cho đến khi ông bà trả hết nợ.

2. Trường hợp ông, bà không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 729202, số vào sổ cấp GCN: CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 Bà Huỳnh Ngọc D đứng tên tại thửa đất số 1927, tờ bản đồ 01, địa chỉ đất tại Khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng (xác nhận ngày 13/12/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S , Bà Huỳnh Ngọc D phải chịu 44.321.124 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi mốt ngàn một trăm hai mươi bốn đồng). Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí 13.626.090 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2013/005562 ngày 04/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Huỳnh Ngọc D phải nộp 2.000.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005538 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí (nộp xong)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND H. Thới Lai;
- VKSND TP Cần Thơ;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hồng D